

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và hoàn thành chương trình đào tạo; thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 505/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định việc thực hiện hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư theo Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 282/TTr-STC ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và hoàn thành chương trình đào tạo; thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và hoàn thành chương trình đào tạo sau đại học; thường khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư, với nội dung chính như sau:

1. Tổng số đối tượng được hỗ trợ: 135 người.
2. Tổng kinh phí hỗ trợ: 3.554.250.000 đồng (ba tỷ, năm trăm năm mươi tư triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).
3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tỉnh Thanh Hóa chưa phân bổ chi tiết trong dự toán ngân sách năm 2024.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Nội vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định. Sở Tài chính có trách nhiệm phổ biến Quyết định này đến các đơn vị được thụ hưởng kinh phí theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị thụ hưởng kinh phí đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí trong dự toán. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

3. Các đơn vị được hỗ trợ kinh phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Thủ trưởng đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các quyết định của mình.

4. Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị được hỗ trợ kinh phí theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, KTTC.

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục:

DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO VÀ HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC; THƯỜNG KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN, BỔ NHIỆM CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tổng cộng											3.554.250.000
I		Văn phòng UBND tỉnh									37.250.000
1	1	Nguyễn Trọng Trang	1978	Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa	310/QĐ-VP ngày 02/6/2014 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa	26/8/2022	Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh (quy hoạch)	37.250.000
II		Trường Đại học Hồng Đức									335.250.000
2	1	Lê Quang Hiếu	1977	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	Phó Giáo sư	Kinh tế	Hội đồng Giáo sư Nhà nước	88/QĐ-HĐGSNN, ngày 17/11/2022	17/11/2022	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	52.150.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
3	2	Ngô Sỹ Huy	1983	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Phó Giáo sư	Xây dựng	Hội đồng Giáo sư Nhà nước	88/QĐ-HĐGSNN, ngày 17/11/2022	17/11/2022	Trưởng khoa (quy hoạch)	52.150.000
4	3	Hoàng Văn Sơn	1980	Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp	Tiến sĩ	Bệnh lý học và Chữa bệnh vật nuôi	Trường Đại học Hồng Đức	1183/QĐ-ĐHHĐ ngày 31/7/2013	29/10/2021	Phó Trưởng khoa (quy hoạch)	37.250.000
5	4	Chung Thị Thúy	1981	Khoa Khoa học xã hội	Tiến sĩ	Ngữ văn (Lý luận văn học)	Trường Đại học Hồng Đức	2120/QĐ-ĐHHĐ ngày 18/11/2014	08/3/2023	Giảng viên	37.250.000
6	5	Nguyễn Thị Thu Hường	1984	Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Trường Đại học Hồng Đức	1035/QĐ-ĐHHĐ ngày 03/7/2018	28/02/2023	Phó Trưởng phòng (quy hoạch)	37.250.000
7	6	Lê Thị Mỹ Dung	1978	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	Tiến sĩ	Kế toán	Trường Đại học Hồng Đức	1034/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/6/2015	22/6/2023	Giảng viên	37.250.000
8	7	Lã Thị Thu	1984	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	Tiến sĩ	Kế toán	Trường Đại học Hồng Đức	1035/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/6/2015	27/06/2022	Giảng viên	37.250.000
9	8	Nguyễn Thị Ngọc	1986	Khoa Ngoại ngữ	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	Trường Đại học Hồng Đức	628/QĐ-ĐHHĐ ngày 12/4/2021	06/4/2023	Giảng viên	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
10	9	Nguyễn Thị Dung	1985	Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Trường Đại học Hồng Đức	1190/QĐ-ĐHHĐ ngày 13/8/2020	27/12/2022	Giảng viên	22.350.000
II		Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch									223.800.000
11	1	Lê Thanh Hà	1977	Ban Giám Hiệu	Phó Giáo sư	Ngôn ngữ học	Hội đồng Giáo sư Nhà nước	88/QĐ-HĐGSNN ngày 17/11/2022	17/11/2022	Hiệu Trưởng (giữ chức vụ)	52.150.000
12	2	Đoàn Văn Trường	1989	Phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Phó Giáo sư	Xã hội học	Hội đồng Giáo sư Nhà nước	88/QĐ-HĐGSNN ngày 17/11/2022	17/11/2022	Phó trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học (giữ chức vụ)	52.150.000
13	3	Hoàng Thị Thảo	1981	Khoa Luật và Quản lý Nhà nước	Tiến sĩ	Triết học	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	527/QĐ-ĐVTDT ngày 15/6/2017	12/10/2022	Giảng viên	37.250.000
14	4	Hoàng Thị Kim Oanh	1980	Khoa Văn hóa Thông tin	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	426/QĐ-ĐVTDT ngày 25/5/2017	24/05/2023	Trưởng Bộ môn Quản lý Văn hóa (giữ chức vụ)	37.250.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
15	5	Nguyễn Thanh Tâm	1984	Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Giới thiệu việc làm	Tiến sĩ	Giáo dục học	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	346/QĐ-ĐVTDT ngày 04/5/2018	30/08/2023	Giảng viên	45.000.000
III		Trường Cao đẳng Y tế									22.350.000
16	1	Đỗ Thị Ánh Tuyết	1989	Bộ môn Điều dưỡng	Thạc sĩ	Điều dưỡng	Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa	643/QĐ-CĐYT ngày 16/10/2020	16/01/2023	Phó trưởng Bộ môn Điều dưỡng (quy hoạch)	22.350.000
IV		Sở Y tế									2.868.250.000
17	1	Nguyễn Bá Tình	1989	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương	1016/QĐ-BVQX ngày 07/10/2020	20/10/2022	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000
18	2	Hà Thị Vân Anh	1989	Bệnh viện Tâm thần	Thạc sĩ y học	Tâm thần	Bệnh viện Tâm thần	421/QĐ-BV ngày 10/9/2020	08/12/2022	Bác sĩ	22.350.000
19	3	Nguyễn Viết Thức	1983	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nhân khoa	Bệnh viện đa khoa thành phố Sầm Sơn	521/QĐ-BVSS ngày 26/10/2020	27/12/2022	Bác sĩ	22.350.000
20	4	Hà Thị Quyết	1982	Trung tâm Y tế huyện Quan Hóa	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	Sở Y tế	1102/QĐ-SYT ngày 23/11/2020	27/12/2022	Phó Trưởng phòng (giữ chức vụ)	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
21	5	Trương Văn Thuyền	1990	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	Thạc sĩ	Sản phụ khoa	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	751/QĐ-BV ngày 13/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
22	6	Lưu Tuấn Anh	1990	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	749/QĐ-BV ngày 12/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
23	7	Đào Thị Thuần	1988	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	748/QĐ-BV ngày 12/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
24	8	Nguyễn Thị Lợi	1983	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa	Điều dưỡng chuyên khoa cấp I	Điều dưỡng Nội người lớn	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Hóa	263/QĐ-BVQH ngày 21/8/2020	26/10/2022	Trưởng phòng Điều dưỡng (giữ chức vụ)	22.350.000
25	9	Tào Thị Hà	1989	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Dược lý và Dược lâm sàng	Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn	148/QĐ-BVQS ngày 30/09/2020	14/06/2023	Dược sĩ	22.350.000
26	10	Cao Thạch Tâm	1981	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	238/QĐ-BV ngày 19/8/2020	10/05/2023	Bác sĩ	29.800.000
27	11	Nguyễn Văn Dũng	1988	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	241/QĐ-BV, ngày 19/8/2020	10/05/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
28	12	Lường Anh Tú	1988	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	240/QĐ-BV, ngày 19/8/2020	10/05/2023	Bác sĩ	29.800.000
29	13	Mai Nam	1984	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	243/QĐ-BV, ngày 19/8/2020	10/05/2023	Bác sĩ	29.800.000
30	14	Đỗ Văn Duân	1983	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	244/QĐ-BV, ngày 19/8/2020	10/05/2023	Bác sĩ	29.800.000
31	15	Lê Thị Hoa	1979	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	242/QĐ-BV, ngày 19/8/2020	10/05/2023	Bác sĩ	29.800.000
32	16	Lương Xuân Huân	1976	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền	Bệnh viện Y dược cổ truyền	239/QĐ-BV, ngày 19/8/2020	10/05/2023	Bác sĩ	29.800.000
33	17	Lê Thị Dung	1983	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Điều dưỡng chuyên khoa cấp I	Điều dưỡng Nội người lớn	Bệnh viện Y dược cổ truyền	245/QĐ-BV, ngày 19/8/2020	26/10/2022	Điều dưỡng	22.350.000
34	18	Nguyễn Thị Mai Vân	1985	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Điều dưỡng chuyên khoa cấp I	Điều dưỡng Nội người lớn	Bệnh viện Y dược cổ truyền	245/QĐ-BV, ngày 19/8/2020	26/10/2022	Điều dưỡng trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
35	19	Nguyễn Thị Hồng Duyên	1989	Bệnh viện đa khoa thị xã Bim Sơn	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội khoa	Bệnh viện đa khoa thị xã Bim Sơn	267/QĐ-BVBS ngày 10/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
36	20	Nguyễn Thị Hồng Diên	1990	Bệnh viện đa khoa thị xã Bim Sơn	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nhân khoa	Bệnh viện đa khoa thị xã Bim Sơn	268/QĐ-BVBS ngày 10/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
37	21	Nguyễn Kỳ	1991	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	486/QĐ-BVTH ngày 08/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
38	22	Lê Thị Hải Tâm	1994	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	Thạc sĩ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	496/QĐ-BVTH ngày 20/10/2020	30/12/2022	Kỹ thuật y	22.350.000
39	23	Nguyễn Văn Hoàng	1989	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Tổ chức quản lý dược	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa	376/QĐ-BVB ngày 06/7/2020	14/6/2023	Dược sĩ	22.350.000
40	24	Phạm Văn Bằng	1978	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết	Sở Y tế Thanh Hóa	554/QĐ-SYT ngày 29/5/2020	16/01/2023	Phó Giám đốc (giữ chức vụ)	29.800.000
41	25	Nguyễn Danh Lâm	1977	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi - Thần kinh	Sở Y tế Thanh Hóa	293/QĐ-SYT ngày 12/3/2020	16/01/2023	Phó Giám đốc (giữ chức vụ)	29.800.000
42	26	Trần Văn Cường	1986	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	540/QĐ-BVYĐ ngày 13/10/2020	20/10/2022	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
43	27	Nguyễn Thị Quế	1987	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nhân khoa	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	539/QĐ-BVYĐ ngày 13/10/2020	20/10/2022	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000
44	28	Mai Thị Huệ	1987	Bệnh viện Da liễu	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Da liễu	Bệnh viện Da liễu	156/QĐ-BVDL ngày 12/10/2020	20/10/2022	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000
45	29	Nguyễn Văn Chung	1973	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Sơn	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội xương khớp	Sở Y tế Thanh Hóa	294/QĐ-SYT ngày 12/03/2020	16/01/2023	Trưởng khoa Nội (giữ chức vụ)	29.800.000
46	30	Lê Sỹ Luân	1987	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Sơn	Điều dưỡng chuyên khoa cấp I	Điều dưỡng Ngoại người lớn	Bệnh viện đa khoa huyện Đông Sơn	309/QĐ-BVĐS ngày 28/08/2020	26/10/2022	Điều dưỡng trưởng khoa khám bệnh (giữ chức vụ)	22.350.000
47	31	Lê Tuấn Anh	1989	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	968/QĐ-BVNL ngày 09/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
48	32	Đỗ Thị Xuân	1987	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Tai mũi họng	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	1042/QĐ-BVNL ngày 28/10/2020	27/12/2022	Bác sĩ	22.350.000
49	33	Phạm Thị Đào	1989	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	967/QĐ-BVNL ngày 09/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
50	34	Trịnh Tuấn Nam	1991	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Răng Hàm Mặt	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	969/QĐ-BVNL ngày 09/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
51	35	Phạm Thị Hồng	1988	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Lặc	1043/QĐ-BVNL ngày 28/10/2020	27/12/2022	Bác sĩ	22.350.000
52	36	Ngô Thị Đặng	1976	Trung tâm Y tế huyện Yên Định	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Quản lý Y tế	Sở Y tế Thanh Hóa	1010/QĐ-SYT ngày 26/10/2020	12/01/2023	Giám đốc (giữ chức vụ)	29.800.000
53	37	Nguyễn Văn Dũng	1977	Bệnh viện Phổi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Hồi sức cấp cứu và chống độc	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1291/QĐ-BVĐKT ngày 26/8/2020	13/10/2022	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
54	38	Nguyễn Hữu Tài	1977	Bệnh viện Phổi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội khoa	Bệnh viện Phổi	456/QĐ-BVP ngày 06/3/2020	16/01/2023	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
55	39	Lê Lương Cấp	1980	Bệnh viện Phổi	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Lao	Bệnh viện Phổi	1590/QĐ-BVP ngày 08/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
56	40	Lê Thiện Hữu	1982	Bệnh viện Phổi	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Lao	Bệnh viện Phổi	1589/QĐ-BVP ngày 08/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
57	41	Đới Huyền Trang	1986	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Thủy	Bác sĩ chuyên khoa I	Sản phụ khoa	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Thủy	235/QĐ-TTYT ngày 15/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
58	42	Đoàn Phú Như Hiền	1990	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội Tim mạch	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	376/QĐ-BVTV ngày 14/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
59	43	Đỗ Thị Lệ	1991	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Da liễu	Trung tâm Y tế huyện Thọ Xuân	113/QĐ-TTYT ngày 15/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
60	44	Trịnh Quý Đôn	1983	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Thạc sĩ	Quản lý bệnh viện	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	409/QĐ-BVTV ngày 11/11/2020	28/06/2023	Điều dưỡng	22.350.000
61	45	Trịnh Thị Hằng	1987	Bệnh viện Phụ sản	Thạc sĩ	Gây mê hồi sức	Bệnh viện Phụ sản	683/QĐ-BV ngày 14/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
62	46	Nguyễn Xuân Sang	1990	Bệnh viện Phụ sản	Thạc sĩ	Sản phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản	680/QĐ-BV ngày 14/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
63	47	Trần Văn Trường	1990	Bệnh viện Phụ sản	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản	682/QĐ-BV ngày 14/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
64	48	Phạm Thị Hải Yến	1988	Bệnh viện Phụ sản	Bác sĩ chuyên khoa I	Sản phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản	681/QĐ-BV ngày 14/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
65	49	Bùi Thị Hoà	1987	Bệnh viện Phụ sản	Bác sĩ chuyên khoa I	Sản phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản	679/QĐ-BV ngày 14/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
66	50	Lê Văn Tư	1991	Bệnh viện Phụ sản	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	Bệnh viện Phụ sản	907/QĐ-BV ngày 01/12/2020	11/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
67	51	Nguyễn Thanh Trung	1990	Bệnh viện Ung bướu	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ung thư	Bệnh viện Ung bướu	992/QĐ-BVUB ngày 12/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
68	52	Ngô Văn Nam	1992	Bệnh viện Ung bướu	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Ung bướu	988/QĐ-BVUB ngày 12/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
69	53	Trịnh Đức Hoàng	1991	Bệnh viện Ung bướu	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Ung bướu	989/QĐ-BVUB ngày 12/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
70	54	Nguyễn Hồng Phương	1991	Bệnh viện Ung bướu	Thạc sĩ	Ung thư	Bệnh viện Ung bướu	987/QĐ-BVUB ngày 12/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
71	55	Nguyễn Thị Vân Anh	1990	Bệnh viện Ung bướu	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ung thư	Bệnh viện Ung bướu	990/QĐ-BVUB ngày 12/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
72	56	Lê Tuấn Anh	1989	Bệnh viện Ung bướu	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ung thư	Bệnh viện Ung bướu	1025/QĐ-BVUB ngày 02/11/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
73	57	Phạm Anh Hải	1994	Bệnh viện Ung bướu	Thạc sĩ y học	Ung thư	Bệnh viện Ung bướu	912/QĐ-BVUB ngày 09/9/2020	08/12/2022	Bác sĩ	22.350.000
74	58	Nguyễn Ngọc Linh	1992	Bệnh viện Ung bướu	Thạc sĩ y học	Gây mê hồi sức	Bệnh viện Ung bướu	904/QĐ-BVUB ngày 03/9/2020	08/12/2022	Bác sĩ	22.350.000
75	59	Vũ Xuân Thắng	1986	Bệnh viện Ung bướu	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện Ung bướu	1158/QĐ-BVUB ngày 22/12/2020	07/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
76	60	Trần Ngọc Anh	1992	Bệnh viện Ung bướu	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Giải phẫu bệnh	Bệnh viện Ung bướu	991/QĐ-BVUB ngày 12/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
77	61	Nguyễn Văn Thành	1990	Bệnh viện Ung bướu	Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Dược lý và Dược lâm sàng	Bệnh viện Ung bướu	968/QĐ-BVUB ngày 02/10/2020	14/6/2023	Dược sĩ	22.350.000
78	62	Trần Trung Thành	1993	Bệnh viện Ung bướu	Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Dược lý và Dược lâm sàng	Bệnh viện Ung bướu	967/QĐ-BVUB ngày 02/10/2020	14/6/2023	Dược sĩ	22.350.000
79	63	Phạm Văn Sơn	1976	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội xương khớp	Sở Y tế Thanh Hóa	287/QĐ-SYT ngày 06/03/2020	16/01/2023	Phó Giám đốc (giữ chức vụ)	29.800.000
80	64	Nguyễn Thị Quỳnh	1984	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Phục hồi chức năng	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh	299/QĐ-BV ngày 14/10/2020	20-10-22	Trưởng khoa Nội (giữ chức vụ)	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
81	65	Doãn Thị Dung	1986	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	216/QĐ-BVNT ngày 12/10/2020	20/10/2022	Phó Trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000
82	66	Phạm Thị Diệp	1989	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Răng Hàm Mặt	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	352/QĐ-BVHL ngày 12/10/2020	20/10/2022	Phó Trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000
83	67	Hà Văn Quỳnh	1990	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	270/QĐ-BV ngày 08/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
84	68	Mai Thị Lộc	1993	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội khoa	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	364/QĐ-BVNS ngày 06/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
85	69	Đỗ Thanh Thủy	1972	Trung tâm Y tế huyện Lang Chánh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Quản lý y tế	Sở Y tế Thanh Hóa	1005/QĐ-SYT ngày 23/10/2020	12/01/2023	Giám đốc (giữ chức vụ)	29.800.000
86	70	Phạm Thị Tâm	1987	Trung tâm Y tế huyện Quan Sơn	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	Trung tâm Y tế huyện Quan Sơn	61/QĐ-TTYT ngày 19/10/2020	27/12/2022	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000
87	71	Nguyễn Hùng Hải	1984	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Tổ chức quản lý dược	Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn	443/QĐ-BVĐK ngày 01/11/2018	14/06/2023	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
88	72	Hoàng Quốc Đạt	1990	Bệnh viện Mắt	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nhân khoa	Bệnh viện Mắt	200/QĐ-BVM ngày 22/10/2020	27/12/2022	Bác sĩ	22.350.000
89	73	Đặng Văn Thất	1989	Bệnh viện Mắt	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nhân khoa	Bệnh viện Mắt	193/QĐ-BVM ngày 14/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
90	74	Lê Phương Thảo	1989	Trung tâm Y tế huyện Thọ Xuân	Dược sĩ chuyên khoa cấp I	Dược lý và Dược lâm sàng	Sở Y tế Thanh Hóa	1498/QĐ-SYT ngày 13/12/2018	11/6/2021	Dược sĩ	22.350.000
91	75	Nguyễn Trung Dũng	1978	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội Tim mạch	Bệnh viện đa khoa tỉnh	445/QĐ-BVĐKT ngày 20/03/2020	16/01/2023	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
92	76	Lê Thị Hằng	1982	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội Xương khớp	Bệnh viện đa khoa tỉnh	445/QĐ-BVĐKT ngày 20/03/2020	16/01/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
93	77	Nguyễn Ngọc Thanh	1974	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội - Hô hấp	Bệnh viện đa khoa tỉnh	445/QĐ-BVĐKT ngày 20/03/2020	16/01/2023	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
94	78	Trịnh Thị Hoạt	1981	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội Tim mạch	Bệnh viện đa khoa tỉnh	445/QĐ-BVĐKT ngày 20/03/2020	16/01/2023	Bác sĩ	29.800.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
95	79	Trịnh Đình Hoàng	1984	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội Tim mạch	Bệnh viện đa khoa tỉnh	445/QĐ-BVĐKT ngày 20/03/2020	16/01/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
96	80	Trịnh Xuân Thắng	1976	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội Tim mạch	Bệnh viện đa khoa tỉnh	445/QĐ-BVĐKT ngày 20/03/2020	16/01/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
97	81	Lê Thị Hoài	1979	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội Tim mạch	Bệnh viện đa khoa tỉnh	445/QĐ-BVĐKT ngày 20/03/2020	16/01/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
98	82	Hoàng Thị Thu Hương	1979	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nội Tim mạch	Bệnh viện đa khoa tỉnh	445/QĐ-BVĐKT ngày 20/03/2020	16/01/2023	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
99	83	Đỗ Khánh Toàn	1992	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	Hồi sức Cấp cứu và Chống độc	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
100	84	Lê Thị Hương	1990	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
101	85	Nguyễn Tuấn Việt	1992	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
102	86	Lê Anh Tuấn	1993	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
103	87	Lê Văn Trường	1990	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
104	88	Nguyễn Mạnh Hùng	1992	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện đa khoa tỉnh	693/QĐ-BVĐKT ngày 12/5/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
105	89	Lương Hữu Dũng	1991	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
106	90	Trần Thị Thủy	1990	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	Điện quang và Y học hạt nhân	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
107	91	Cầm Mạnh Hùng	1991	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thạc sĩ	Điện quang và Y học hạt nhân	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
108	92	Phạm Thị Thanh Minh	1990	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ung thư	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
109	93	Lê Thị Mai	1991	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Nội Tim mạch	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
110	94	Nguyễn Hữu Mạnh	1993	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
111	95	Nguyễn Văn Tuấn	1992	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1563/QĐ-BVĐKT ngày 13/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
112	96	Nguyễn Thị Thu Hoài	1984	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Ngoại bóng	Bệnh viện Nhi	1405/QĐ-BVN ngày 28/8/2020	13/10/2022	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
113	97	Đỗ Thanh Hải	1980	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi - Hô hấp	Bệnh viện Nhi	624/QĐ-BVN ngày 05/3/2020	16/01/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
114	98	Lê Thu Hoài	1984	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi - Hô hấp	Bệnh viện Nhi	625/QĐ-BVN ngày 05/3/2020	16/01/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
115	99	La Xuân Trọng	1983	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi - Hồi sức	Bệnh viện Nhi	621/QĐ-BVN ngày 05/3/2020	16/01/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
116	100	Hoàng Tiến Lợi	1982	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi - Hô hấp	Bệnh viện Nhi	622/QĐ-BVN ngày 05/3/2020	16/01/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
117	101	Nguyễn Thanh Hải	1977	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi - Hô hấp	Bệnh viện Nhi	623/QĐ-BVN ngày 05/3/2020	16/01/2023	Phó trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
118	102	Lê Thị Vân Anh	1982	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi - Tiêu hóa	Bệnh viện Nhi	626/QĐ-BVN ngày 05/3/2020	16/01/2023	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	29.800.000
119	103	Trịnh Văn Long	1978	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi- Tiêu HÓA	Bệnh viện Nhi	627/QĐ-BVN ngày 05/3/2020	16/01/2023	Bác sĩ	29.800.000
120	104	Lê Đức Anh	1983	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa II	Nhi - Thần kinh	Bệnh viện Nhi	628/QĐ-BVN ngày 05/3/2020	16/01/2023	Bác sĩ	29.800.000
121	105	Trần Thị Bình	1986	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Nhi- Huyết học	Bệnh viện Nhi	629/QĐ-BVN ngày 05/3/2020	16/01/2023	Bác sĩ	29.800.000
122	106	Đỗ Xuân Hoàng	1989	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa	Bệnh viện Nhi	1587/QĐ-BVN ngày 08/10/2020	20-10-22	Bác sĩ	22.350.000
123	107	Trần Sỹ Đạt	1989	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện Nhi	1586/QĐ-BVN ngày 08/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
124	108	Mai Khắc Hà	1987	Bệnh viện Nhi	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Ngoại khoa	Bệnh viện Nhi	1588/QĐ-BVN ngày 08/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
125	109	Nguyễn Trung Nam	1990	Bệnh viện Nhi	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bệnh viện Nhi	1584/QĐ-BVN ngày 08/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
126	110	Lương Thị Phương Thuý	1990	Bệnh viện Nhi	Thạc sĩ	Nhi khoa	Bệnh viện Nhi	961/QĐ-BVN ngày 09/10/2019	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
127	111	Nguyễn Thanh Sơn	1986	Bệnh viện Nhi	Thạc sĩ	Nội khoa	Bệnh viện Nhi	1585/QĐ-BVN ngày 08/10/2020	16/01/2023	Bác sĩ	22.350.000
128	112	Hồ Văn Trọng	1975	Trung tâm Y tế huyện Mường Lát	Bác sĩ chuyên khoa cấp II	Quản lý y tế	Sở Y tế Thanh Hoá	1032/QĐ-SYT ngày 29/10/2020	12/01/2023	Giám đốc (giữ chức vụ)	29.800.000
129	113	Mai Công Long	1990	Trung tâm Y tế thị xã Nghi Sơn	Thạc sĩ	Y học dự phòng	Trung tâm Y tế thị xã Nghi Sơn	1327/TTYT-HCTH ngày 22/10/2020	09/01/2023	Trưởng khoa (giữ chức vụ)	22.350.000
130	114	Đặng Thị Mai Linh	1987	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Lặc	Bác sĩ chuyên khoa cấp I	Sản phụ khoa	Trung tâm Y tế huyện Ngọc Lặc	639/QĐ-TTYT ngày 09/10/2020	20/10/2022	Bác sĩ	22.350.000
131	115	Lê Thị Hạnh	1988	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Thạc sĩ	Y học dự phòng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	1077/QĐ-KSBT ngày 20/10/2020	09/01/2023	Trưởng phòng (quy hoạch)	22.350.000

Thứ tự		Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành	Cơ quan cử đi học (công nhận chức danh)	Số, ngày tháng năm Quyết định cử đi học (công nhận chức danh)	Năm cấp bằng	Trong diện quy hoạch hoặc giữ chức vụ, chức danh nghề nghiệp tại thời điểm đi học	Kinh phí hỗ trợ
132	116	Nguyễn Thị Hằng Nga	1988	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Thạc sĩ	Y học dự phòng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	1076/QĐ-KSBT ngày 20/10/2020	09/01/2023	Phó Trưởng khoa (quy hoạch)	22.350.000
133	117	Trần Văn Hiệp	1988	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Thạc sĩ	Y tế công cộng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	1078/QĐ-KSBT ngày 20/10/2020	09/01/2023	Phó Trưởng khoa (quy hoạch)	22.350.000
V		Thị ủy Bim Sơn									22.350.000
134	1	Đặng Thị Thanh Tâm	1980	Ban Tuyên giáo Thị ủy	Thạc sĩ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	Thị ủy Bim Sơn	1424-QĐ/TU ngày 23/12/2019	02/12/2022	Quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy (chức danh Trưởng ban Dân vận)	22.350.000
VI		Huyện ủy Như Xuân									45.000.000
135	1	Lương Thị Hoa	1977	Huyện ủy Như Xuân	Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	Tỉnh ủy Thanh Hóa	802-QĐ/TU ngày 20/6/2017	05/7/2023	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thanh Hóa (giữ chức vụ)	45.000.000